

8 đối tượng được đề xuất điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng gồm:

1. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hàng tháng trước ngày 1/7/2019.

2. Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trước ngày 1/7/2019.

3. Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 4/8/2000, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 6/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng trước ngày 1/7/2019.

4. Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng trước ngày 1/7/2019.

5. Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 6/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ trước ngày 1/7/2019.

6. Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ trước ngày 1/7/2019.

7. Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 9/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ trước ngày 1/7/2019.

8. Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng trước ngày 1/7/2019.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho biết, Bộ đề xuất mức điều chỉnh tăng 7,19% (bằng tốc độ tăng mức lương cơ sở từ 1.390.000 đồng/tháng lên 1.490.000 đồng/tháng) trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng của tháng 6/2019 đối với các đối tượng nêu trên.

Về kinh phí điều chỉnh, theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đối với các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trước ngày 1/10/1995; hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 4/8/2000, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 6/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; người hưởng lương hưu theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/1/2011 của Chính phủ và công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng do ngân sách nhà nước bảo đảm. Số đối tượng được điều chỉnh tại thời điểm tháng 6/2019 ước là 1,016,340 người, dự kiến kinh phí tăng thêm trong năm 2019 (6 tháng) là 1.454 tỷ đồng.

Đối với các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 1/10/1995 trở đi, kể cả đối tượng đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm. Số đối tượng được điều chỉnh tại thời điểm tháng 6/2019 ước là 1,872,046 người, dự kiến kinh phí tăng thêm trong năm 2019 (6 tháng) là 4.335 tỷ đồng.

Đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng thì kinh phí điều chỉnh được tổng hợp từ nguồn kinh phí địa phương.

Đối với quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày

27/10/2008, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ; quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 9/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ thì do ngân sách nhà nước bảo đảm.

TÔNG ĐÀI DỊCH VỤ CÔNG: (0236) **1022** hoặc (0236) **3 881 888** , miễn phí phục vụ

- 1. Nhận phản ánh, góp ý** của người dân cho Thành phố và chuyển cơ quan chức năng xử lý
- 2. Hướng dẫn, giải đáp THỦ TỤC hành chính, quy định, chính sách**
- 3. Hướng dẫn sử dụng dịch vụ chính quyền điện tử**
- 4. Cung cấp các thông tin khác của Thành phố (thiên tai, địa điểm, sự kiện,)**
- 5. Cung cấp dịch vụ Call Center , nhắn tin CSKH chuyên nghiệp, GIÁ RẺ NHẤT.**